

SỞ Y TẾ

Số: 5359/KH-SYT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 01 năm 2019

KẾ HOẠCH

Kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện năm 2019 của Sở Y tế

Căn cứ:

Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Thông tư số 19/2013/TT-BYT ngày 12 tháng 7 năm 2013 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn quản lý chất lượng khám, chữa bệnh tại bệnh viện;

Quyết định số 6858/QĐ-BYT ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Bộ Tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam (phiên bản 2.0);

Quyết định số 6328/QĐ-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành nội dung kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện và khảo sát hài lòng người bệnh, nhân viên y tế năm 2018;

Quyết định số 3869/QĐ-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y tế về ban hành các mẫu phiếu và hướng dẫn khảo sát hài lòng người bệnh và nhân viên y tế;

Quyết định số 3936/QĐ-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y tế về ban hành nội dung kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện và khảo sát hài lòng người bệnh, nhân viên y tế năm 2019;

Sở Y tế xây dựng Kế hoạch kiểm tra đánh giá chất lượng bệnh viện năm 2019 như sau:

I. MỤC ĐÍCH

- Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các hoạt động chuyên môn, cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh, hoạt động cải tiến chất lượng của bệnh viện trong năm 2019 theo Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện do Bộ Y tế ban hành, kết hợp khảo sát sự hài lòng của người bệnh và sự hài lòng của nhân viên y tế.

- Từ kết quả đánh giá chất lượng và khảo sát hài lòng người bệnh, Sở Y tế xác định những vấn đề ưu tiên để có kế hoạch và biện pháp can thiệp nhằm không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng dịch vụ khám – chữa bệnh tại các bệnh viện, đồng thời công khai kết quả đánh giá chất lượng của tất cả các bệnh viện thuộc thẩm quyền quản lý trên Cổng thông tin điện tử ngành y tế thành phố để người dân biết.

- Kết hợp với hoạt động đánh giá chất lượng bệnh viện theo Bộ tiêu chí, Sở Y tế tiến hành đánh giá một số hoạt động:

+ Khảo sát kết quả thực hiện cơ sở y tế “Xanh – Sạch – Đẹp” và “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế, hướng tới sự hài lòng của người bệnh” theo yêu cầu của Bộ Y tế.

+ Điều kiện về bảo đảm công tác khám sức khỏe không có yếu tố nước ngoài, khám sức khỏe có yếu tố nước ngoài, khám sức khỏe lái xe theo các quy định hiện hành.

+ Điều kiện về đảm bảo an toàn sinh học đối với khoa/phòng xét nghiệm thuộc bệnh viện đã được cấp Giấy chứng nhận an toàn sinh học hoặc đã tự công bố đạt tiêu

Teeth

chuẩn an toàn sinh học theo quy định tại Nghị định 103/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm.

II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Tất cả các bệnh viện, viện công lập và tư nhân thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế thành phố, bao gồm:

- 32 bệnh viện đa khoa, chuyên khoa thành phố;
- 23 bệnh viện đa khoa quận huyện;
- 55 bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tư nhân đóng trên địa bàn thành phố

Ngoài ra, Sở Y tế sẽ phối hợp với Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam – VNPT, Bộ Giao thông vận tải kiểm tra, đánh giá chất lượng Bệnh viện Chính hình và Phục hồi chức năng; Bệnh viện đa khoa Bưu điện; Bệnh viện Giao thông vận tải.

III. NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Số liệu hoạt động: Các thông tin chung, số liệu hoạt động chuyên môn, tài chính, nhân sự tổng hợp, cơ cấu tổ chức.

2. Đánh giá chất lượng bệnh viện

- Công cụ đánh giá: Bộ Tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam phiên bản 2.0 ban hành kèm theo Quyết định 6858/QĐ-SYT ngày 18/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Lưu ý một số thông tin được điều chỉnh trong Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam:

+ Tiêu chí C8.2, tiêu mục số 19, 22: thay cụm từ “*đạt tiêu chuẩn ISO 15189 (trương đương hoặc cao hơn)*” bằng cụm từ “*đạt mức 4 trở lên theo Quyết định 2429/QĐ-BYT ngày 12/6/2017 ban hành Tiêu chí đánh giá mức chất lượng phòng xét nghiệm y sinh học*”

+ Tiêu chí D 2.3, Mức 3: bổ sung thêm yêu cầu: “*đạt từ mức 3 trở lên theo Bộ tiêu chí chất lượng đánh giá mức độ an toàn phẫu thuật kèm theo Quyết định số 7482/QĐ-BYT ngày 18/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế*”.

3. Khảo sát sự hài lòng của người bệnh nội trú, ngoại trú và nhân viên y tế

- Áp dụng theo các mẫu phiếu khảo sát và tài liệu hướng dẫn phương pháp khảo sát hài lòng ban hành kèm theo Quyết định 3869/QĐ-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y tế

- Các bệnh viện nghiên cứu hướng dẫn thực hiện và phương pháp khảo sát hài lòng người bệnh và nhân viên y tế để sử dụng đúng mẫu (mẫu 1, 2, 3, 4, 5), đúng phương pháp để kết quả chính xác và khách quan.

4. Các hoạt động khảo sát khác kết hợp trong đợt đánh giá chất lượng bệnh viện năm 2019

- Hậu kiểm các điều kiện về bảo đảm công tác khám sức khỏe không có yếu tố nước ngoài, khám sức khỏe có yếu tố nước ngoài, khám sức khỏe lái xe theo các quy định hiện hành.

- Đánh giá các điều kiện về đảm bảo an toàn sinh học đối với khoa/phòng xét nghiệm thuộc bệnh viện đã được cấp Giấy chứng nhận an toàn sinh học hoặc đã tự công bố đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học theo quy định tại Nghị định 103/2016/NĐ-CP ngày 01

tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm. Nội dung bảng kiểm các điều kiện đảm bảo an toàn sinh học đính kèm tại kế hoạch này.

Lưu ý: Sau đợt đánh giá, nếu cơ sở không đảm bảo các điều kiện theo quy định, Sở Y tế sẽ rút tên cơ sở khỏi danh sách các cơ sở tự công bố đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học đã đăng trên Cổng thông tin điện tử của Sở Y tế, đồng thời xử lý các vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế theo quy định tại Điều 7 của Nghị định 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.

- Khảo sát kết quả triển khai cơ sở y tế “Xanh – Sạch – Đẹp” và kết quả triển khai thực hiện Quyết định số 2151/QĐ-BYT ngày 04/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế, hướng tới sự hài lòng của người bệnh” năm 2019 (Tiêu chí chấm điểm ban hành kèm theo công văn số 8796/BYT-TCCB ngày 09/12/2016).

IV. HÌNH THỨC KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

- Sở Y tế thành lập Đoàn kiểm tra đánh giá chất lượng các bệnh viện thông qua kiểm tra thực tế và báo cáo kết quả tự kiểm tra của bệnh viện. Thành viên tham gia Đoàn kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện của Sở Y tế gồm lãnh đạo Sở Y tế, lãnh đạo và chuyên viên các phòng chức năng của Sở Y tế, chuyên gia quản lý bệnh viện - quản lý chất lượng của các bệnh viện hạng I, được Bộ Y tế cấp mã “Đánh giá viên”.

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Quan sát thực tế, kiểm tra sổ sách, số liệu, hồ sơ tài liệu, phỏng vấn trực tiếp.

V. THỜI GIAN THỰC HIỆN

- Từ ngày 01/10/2019 – 31/10/2019: Các bệnh viện tự rà soát và tự kiểm tra đánh giá chất lượng bệnh viện; rà soát các điều kiện về an toàn sinh học, thực hiện thủ tục tự công bố phòng xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học theo mẫu Phụ lục 8 ban hành tại Nghị định 103/2016/NĐ-CP (nếu chưa thực hiện tự công bố hoặc Giấy chứng nhận phòng xét nghiệm đạt an toàn sinh học đã hết hiệu lực) đồng thời tự đánh giá theo bảng kiểm về an toàn sinh học trước ngày 31/10/2019.

- Dự kiến từ ngày 15/11/2019 đến 31/12/2019: Sở Y tế tiến hành kiểm tra, đánh giá chất lượng tại các bệnh viện.

- Lịch kiểm tra cụ thể sẽ được thông báo sau.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bệnh viện

- Thành lập đoàn tự kiểm tra tại bệnh viện với thành phần phù hợp theo hướng dẫn của Bộ Y tế

- Hoàn tất công tác tự kiểm tra trước ngày 31/10/2019, báo cáo kết quả tự kiểm tra năm 2019 về Sở Y tế (xuất kết quả từ phần mềm trực tuyến); tự đánh giá theo bảng kiểm an toàn sinh học và gửi kết quả về Phòng Nghiệp vụ Y – Sở Y tế trước ngày 04/11/2019. Lưu ý: sau thời gian này, Sở Y tế không chấp nhận bất kỳ sự thay đổi nào về điểm tự đánh giá của đơn vị.

- Báo cáo tự kiểm tra của bệnh viện gồm:

Phần A: Số liệu của bệnh viện

Phần B: Kết quả kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện

+ Kết quả tự đánh giá tiêu chí chất lượng chi tiết

+ Bảng tổng hợp kết quả tự kiểm tra, đánh giá chất lượng

- + Biên bản tự kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện.
- + Tự đánh giá theo bảng kiểm an toàn sinh học.

2. Sở Y tế

- Xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện năm 2019 theo hướng dẫn của Bộ Y tế
- Thành lập đoàn kiểm tra, tổ chức họp quán triệt nội dung và thống nhất phương pháp kiểm tra, đánh giá đối với tất cả các thành viên của Đoàn
- Tiến hành đánh giá chất lượng bệnh viện và khảo sát hài lòng người bệnh, nhân viên y tế tại các bệnh viện trực thuộc Sở Y tế.
- Phối hợp với Bộ, ngành liên quan tổ chức đoàn kiểm tra, đánh giá chất lượng các bệnh viện trực thuộc Bộ, ngành trên địa bàn thành phố.
- Tổng hợp báo cáo quá trình triển khai và kết quả kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện theo yêu cầu của Bộ Y tế.
- Công bố công khai kết quả kiểm tra, đánh giá chất lượng của các bệnh viện trên địa bàn Thành phố do đoàn kiểm tra của Sở Y tế trực tiếp đánh giá.

3. Các bệnh viện trực thuộc Bộ, ngành trên địa bàn thành phố

- Các Bộ, ngành có bệnh viện hoạt động trên địa bàn thành phố phối hợp với Sở Y tế kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện trực thuộc theo chỉ đạo của Bộ Y tế.

VII. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Các phòng, ban chức năng, các Ban thuộc Hội đồng Chất lượng khám chữa bệnh Sở Y tế:

- Bố trí, phân công nhân sự tham gia Đoàn kiểm tra của Sở Y tế.
- Tổng hợp và cung cấp cho Đoàn kiểm tra những nội dung có liên quan đến công tác kiểm tra như khen thưởng, kỷ luật, khiếu nại tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật, các số liệu thống kê, báo cáo, xây dựng cơ bản, kết quả kiểm tra giám sát chuyên đề trong năm 2019 tại những đơn vị được kiểm tra.

1.1. Phòng Nghiệp vụ Y

- Lập kế hoạch kiểm tra đánh giá chất lượng bệnh viện năm 2019 đối với các bệnh viện thành phố, các bệnh viện quận/huyện và các bệnh viện tư nhân đóng trên địa bàn Thành phố, trình Ban Giám đốc Sở phê duyệt.
- Tham mưu Ban Giám đốc Sở ban hành văn bản đề nghị các bệnh viện thành phố cử nhân sự tham gia Đoàn kiểm tra của Sở Y tế.
- Phối hợp các phòng có liên quan, lập danh sách thành viên Đoàn kiểm tra trình Ban Giám đốc Sở xem xét, chuyển danh sách đã được Ban Giám đốc Sở phê duyệt đến phòng Tổ chức cán bộ tham mưu ra Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra, phân công nhiệm vụ cho mỗi tổ kiểm tra và từng thành viên Đoàn kiểm tra.
- Thông báo lịch kiểm tra đến các bệnh viện.
- Chuẩn bị bảng điểm, báo cáo tự kiểm tra đánh giá của bệnh viện và các tài liệu có liên quan phục vụ công tác kiểm tra.
- Là đầu mối tổng hợp những nội dung về hoạt động của bệnh viện trong năm 2019 để cung cấp cho Đoàn kiểm tra.
- Tổng kết, báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện năm 2019.

- Tổng hợp kết quả kiểm tra chuyên đề “Cơ sở y tế Xanh – Sạch – Đẹp”, an toàn sinh học, khám sức khoẻ báo cáo Ban Giám đốc Sở Y tế, Bộ Y tế.

1.2. Phòng Tổ chức cán bộ

- Cử nhân sự tham gia đoàn kiểm tra;
- Tham mưu Ban Giám đốc Sở Y tế ban hành Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra bệnh viện năm 2019 của Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh.
- Tham mưu Ban Giám đốc Sở Y tế biểu dương, khen thưởng những bệnh viện có nhiều nỗ lực trong cải tiến chất lượng, tặng hải lòng người bệnh năm 2019.
- Phối hợp tổ chức đánh giá và tổng hợp kết quả về triển khai thực hiện “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế, hướng tới sự hài lòng của người bệnh” năm 2019 tại đợt kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện.

1.3. Văn phòng Sở

- Hỗ trợ Phòng Nghiệp vụ Y in ấn các tài liệu phục vụ công tác kiểm tra của Sở Y tế
- Dự toán chi tiền bồi dưỡng cho thành viên Đoàn kiểm tra Sở Y tế theo quy định.
- Sắp xếp bố trí xe đưa đón Đoàn kiểm tra.

2. Thành viên tham gia Đoàn kiểm tra Sở Y tế

- Sắp xếp, bố trí công việc để tham gia Đoàn kiểm tra đầy đủ, đúng thời gian qui định.
- Căn cứ lĩnh vực nội dung được phân công kiểm tra, nghiên cứu kỹ phương pháp đánh giá theo Bộ Tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam phiên bản 2.0 của Bộ Y tế để thực hiện đánh giá, nhận xét một cách phù hợp khi kiểm tra thực tế tại bệnh viện.
- Yêu cầu tất cả thành viên tham gia Đoàn kiểm tra – Sở Y tế phải thực hiện đăng ký để nhận “mã đánh giá viên” bằng cách điền thông tin cá nhân, quá trình đào tạo về chuyên môn và kiến thức quản lý chất lượng trên phần mềm trực tuyến theo đường dẫn <http://danhgia.chatluongbenhvien.vn>.

3. Các bệnh viện công lập và tư nhân, bệnh viện Bộ, ngành

- Thành lập Đoàn kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện với thành phần theo yêu cầu của Bộ Y tế.
- Thu thập, thống kê và báo cáo đầy đủ các thông tin, số liệu của đơn vị trong năm 2019 theo yêu cầu của Bộ Y tế. Thông tin, số liệu báo cáo năm 2019 được tính từ ngày 01/10/2018 đến 30/9/2019, số liệu so sánh với cùng kỳ năm 2018 được tính từ ngày 01/10/2017 đến 30/9/2018
- Thông tin, số liệu được báo cáo trực tiếp trên hệ thống nhập số liệu trực tuyến tại Trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Khám, chữa bệnh (<http://kcb.vn>).
- Nghiên cứu kỹ Bộ Tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam phiên bản 2.0, thực hiện công tác tự kiểm tra một cách khách quan, chính xác theo đúng yêu cầu của Bộ Y tế; tự đánh giá trung thực mức chất lượng đạt được, báo cáo những nội dung sai phạm, vi phạm pháp luật đã xử lý trong năm 2019
- Thực hiện khảo sát hài lòng người bệnh nội trú, ngoại trú và nhân viên y tế bằng phiếu in giấy theo biểu mẫu của Bộ Y tế ban hành kèm theo Quyết định 3869/QĐ-BYT ngày 28/8/2019 (sau đó nhập lại toàn bộ phiếu vào phần mềm trực tuyến theo đường dẫn: <http://chatluongbenhvien.vn>); hoặc trực tiếp điền phiếu khảo sát trên phần mềm trực tuyến khi phỏng vấn trên máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh

ueh

- Chọn lọc các hình ảnh minh họa cho việc đánh giá các tiêu mục của 83 tiêu chí; sau đó nộp về Cục Quản lý Khám, chữa bệnh bằng cách tải các hình ảnh lên phần mềm trực tuyến ghi nhận các bằng chứng đánh giá chất lượng theo đường dẫn <http://bangchung.chatluongbenhvien.vn>; đăng nhập phần mềm bằng tên tài khoản và mật khẩu truy cập của khảo sát hải lòng người bệnh và nhân viên y tế (xem chi tiết hướng dẫn tại địa chỉ trên). Toàn bộ các bệnh viện đều cần nộp các hình ảnh chứng minh cho việc tự đánh giá chất lượng

- Chuẩn bị báo cáo tóm tắt kết quả hoạt động của đơn vị năm 2019

- Chuẩn bị nội dung cho công tác kiểm tra của Sở Y tế: tài liệu cho từng thành viên, tự đánh giá các phụ lục 1, 2, 3 đính kèm kế hoạch. Ngoài ra, đề nghị bệnh viện tiến hành tự đánh giá "Tiêu chí đánh giá mức chất lượng phòng xét nghiệm y học" theo Quyết định 2429/QĐ-BYT, "Tiêu chí chất lượng đánh giá mức độ an toàn phẫu thuật" kèm theo Quyết định số 7482/QĐ-BYT của Bộ Y tế để cung cấp cho Đoàn kiểm tra.

- Những bệnh viện có nhân sự tham gia đoàn kiểm tra của Sở Y tế: sắp xếp, bố trí, phân công công việc phù hợp để tạo điều kiện cho nhân viên bệnh viện tham gia đoàn kiểm tra đầy đủ trong suốt thời gian đợt kiểm tra.

Kiểm tra đánh giá chất lượng bệnh viện là nhiệm vụ quan trọng nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động, cải tiến chất lượng dịch vụ y tế của các bệnh viện trong việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của Ngành, đồng thời là cơ sở xét chọn các danh hiệu thi đua trong năm 2019. Do đó, đề nghị các phòng, ban thuộc Sở, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Y tế để giải quyết.

(Đính kèm:

Quyết định số 3869/QĐ-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y tế về ban hành các mẫu phiếu và hướng dẫn khảo sát hải lòng người bệnh và nhân viên y tế;

Quyết định số 3936/QĐ-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y tế về ban hành nội dung kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện và khảo sát hải lòng người bệnh, nhân viên y tế năm 2019;

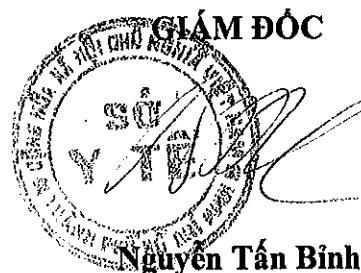
Phụ lục 1: Tiêu chí "Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế, hướng tới sự hải lòng của người bệnh";

Phụ lục 2: Tiêu chí đánh giá cơ sở y tế "Xanh – Sạch – Đẹp"

Phụ lục 3: bảng kiểm tra phòng xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học)./.

Nơi nhận:

- Cục quản lý KCB- BYT (thay báo cáo)
- Bộ Lao động thương binh Xã hội, Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam VNPT (để phối hợp);
- Ban Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Bv công lập (để thực hiện);
- Bv tư nhân (để thực hiện);
- BV ĐK Bưu điện, BV Chính hình PHCN, BV Giao thông vận tải (để thực hiện);
- Các phòng, ban SYT (để thực hiện);
- Cổng thông tin điện tử SYT (để đăng tin);
- Lưu: VT, NVY, LMTL



Phụ lục 1. TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM

Kết quả triển khai thực hiện Quyết định số 2151/QĐ-BYT ngày 04/6/2015 Của Bộ Trưởng Bộ Y tế về “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế, hướng tới sự hài lòng của người bệnh”

TT	TIÊU CHÍ	NỘI DUNG KIỂM TRA	ĐIỂM CHUẨN	TỰ CHẤM	ĐOÀN CHẤM	GHI CHÚ
I.	CÔNG TÁC TRIỂN KHAI		25			
1	Hoạt động của Ban Chỉ đạo	Có QĐ thành lập BCD ban hành từ đầu năm	0,5			
		KH hoạt động phê duyệt từ tháng 12 năm trước	0,5			
		KH có nội dung HD chi tiết, KH thực hiện phù hợp đơn vị, phân chia thời gian tiến độ thực hiện cụ thể	1			
		Có mục tiêu cụ thể đo lường mức độ hoàn thành kế hoạch	0,5			
		Có dự trù kinh phí được phê duyệt/QĐ giao KP	0,5			
		Tổng số điểm nội dung này	3			
2	Tập huấn kỹ năng giao tiếp, ứng xử	Kế hoạch tập huấn được phê duyệt	0,5			Kiểm tra số % học viên tham gia: >90% cho 2 điểm; ≥70-90% cho 1,5 đ; ≥50-70% cho 1 điểm; <50% cho 0,5 điểm
		Danh sách học viên xác nhận tham gia	2			
		Tài liệu tập huấn (lưu)	1,5			
		Chuẩn bị giảng viên (giảng viên tại đơn vị, giảng viên chuyên nghiệp)	0,5			
		Lưu Bản thu hoạch từng cá nhân	0,5			
		Tổng số điểm nội dung này	5			
3	Nhiệm vụ công tác xã hội (CTXH) trong	QĐ thành lập bộ phận CTXH; phân công nhiệm vụ	1			
		KH triển khai thực hiện; BC kết quả CTXH	1			
		Kế hoạch triển khai thực hiện trang phục y tế được phê duyệt	1			
3	bệnh viện; Thực hiện Trang phục Y tế	Bệnh viện có thiết kế mẫu trang phục y tế cho CBYT theo hướng dẫn	2			
		Tổng số điểm nội dung này	5			
4	Triển khai thực hiện "đường dây nóng", Hòm thư	Phân công nhiệm vụ quản lý, sử dụng đường dây nóng, hòm thư góp ý	1			
		Bảng thông báo số Tổng đài trực đường dây nóng; Biển hiệu hòm thư góp ý theo quy định	1			

MVC

	góp ý	Số theo dõi, báo cáo KQ HĐ đường dây nóng	1			
		Số theo dõi, báo cáo hoạt động hòm thư góp ý	1			
		Quy định quản lý hoạt động đường dây nóng, hòm thư góp ý	1			
		Tổng số điểm nội dung này	5			
5	Tổ chức ký cam kết, thực hiện các nội dung cam kết	Xây dựng kế hoạch tổ chức ký cam kết	0,5			
		Tổ chức hội nghị quán triệt nội dung cam kết; tổ chức ký cam kết 2-3 cấp tại bệnh viện	1,5			
		Lưu đầy đủ các bản ký cam kết của viên chức, người lao động	0,5			
		Lưu bản cam kết của viên chức, khoa, phòng, Trưởng khoa, của bệnh viện.....	0,5			
		Theo dõi, đánh giá kết quả cam kết	2			
		Tổng số điểm nội dung này	5			
6	Xây dựng Quy chế thi đua, khen thưởng; Quy chế xử lý vi phạm	Xây dựng, ban hành, thực hiện Quy chế thi đua, khen thưởng thực hiện có hiệu quả	0,5			
		Xây dựng, ban hành, thực hiện Quy chế xử lý vi phạm thực hiện có hiệu quả	0,5			
		Tổng số điểm nội dung này	1			
7	Công tác thống kê, báo cáo chung của Bệnh viện trong đó có nội dung thực hiện Quyết định số 2151/QĐ-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế	Báo cáo đầy đủ, đúng thời gian	1			
		Có BC nhưng chậm thời gian quy định	0,5			
		Điểm tối đa nội dung này	1			
II	TIÊU CHÍ VỀ SỰ HÀI LÒNG NGƯỜI BỆNH		70			
A	Kết quả hài lòng của người bệnh về phong cách, thái độ phục vụ	Trang phục gọn gàng, sạch đẹp, không nhàu nát, đeo biển tên đầy đủ	4			Đây là điểm tối đa cho mỗi tiêu chí tương ứng với tỷ lệ hài lòng bằng
		Giao tiếp lịch sự, cử chỉ, lời nói phù hợp, rõ ràng	4			
		Tác phong nghiêm túc nhưng thân thiết, dễ gần	4			

	<i>của cán bộ y tế</i>	<i>Đón tiếp niềm nở, thân mật; không cầu gắt, khó chịu với người bệnh, gia đình người bệnh</i>	4			100%. Kết quả số điểm cụ thể sẽ phụ thuộc vào kết quả về tỷ lệ % người được phỏng vấn hài lòng với mỗi tiêu chí nhân với số điểm tối đa (hướng dẫn cách chấm điểm tại Mục V)
		<i>Án cần trong khám bệnh và hướng dẫn chi tiết, cẩn thận về cách phòng và điều trị bệnh</i>	4			
		<i>Đáp ứng kịp thời nhu cầu KCB của NB trong điều kiện có thể</i>	4			
		<i>Tôn trọng người bệnh/ người nhà người bệnh</i>	4			
		<i>Không có hành vi vờ vĩnh, gây khó khăn cho người bệnh/ người nhà NB</i>	4			
		Tổng điểm Mục A	32			
B	<i>Kết quả hài lòng của người bệnh về thời gian khám chữa bệnh</i>	<i>Ông/ Bà phải chờ đợi bao lâu để được khám bệnh?</i> phút			Đây là điểm tối đa cho mỗi tiêu chí. Kết quả số điểm cụ thể sẽ phụ thuộc vào tỷ lệ % người được phỏng vấn hài lòng với từng tiêu chí nhân với số điểm tối đa (hướng dẫn cách chấm điểm tại Mục V)
		<i>Ông/ Bà có hài lòng về thời gian chờ đợi khám bệnh không?</i>	5			
		<i>Thời gian Ông/ Bà được nhân viên y tế khám bệnh là bao lâu?</i> phút			
		<i>Ông/bà có hài lòng về thời gian được khám bệnh không?</i>	4			
B	<i>người nhà người bệnh trong quá trình khám chữa bệnh</i>	<i>Ông/bà phải chờ đợi bao lâu để được nhận kết quả xét nghiệm cận lâm sàng?</i> phút			
		<i>Ông/bà có hài lòng về thời gian chờ đợi nhận kết quả cận lâm sàng không?</i>	4			
		Tổng điểm Mục B	13			
C	<i>Kết quả hài lòng của người bệnh về hỗ trợ người bệnh/ người nhà người bệnh trong khám chữa bệnh</i>	<i>Hướng dẫn của nhân viên bệnh viện về các thủ tục cần thiết để được khám chữa bệnh</i>	3			
		<i>Hướng dẫn và hỗ trợ tiếp cận với các dịch vụ trong quy trình KCB (khu vực khám bệnh, khu vực cận lâm sàng, khu vực cấp phát thuốc, khu vực thanh toán viện phí,...)</i>	3			
		<i>Hướng dẫn, kết nối với các dịch vụ xã hội trong bệnh viện (nước uống, canteen, giặt là, xe cứu thương...)</i>	3			
		<i>Hướng dẫn, kết nối với các dịch vụ xã hội ngoài bệnh viện (phòng trọ, quán ăn, nơi cung cấp các dịch vụ hỗ trợ khác)</i>	3			

		Hướng dẫn kết nối với các hoạt động hỗ trợ người bệnh có hoàn cảnh khó khăn (cơm/cháo từ thiện, hỗ trợ viện phí cho bệnh nhân nghèo/bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn)	3			
		Tổng điểm Mục C	15			
D	<i>Kết quả hài lòng của người bệnh về tiếp nhận và phản hồi ý kiến góp ý của người bệnh, người nhà người bệnh</i>	Hài lòng với các hình thức tiếp nhận ý kiến góp ý của người bệnh/NNNB	3			Đây là điểm tối đa cho mỗi tiêu chí. Kết quả số điểm cụ thể sẽ phụ thuộc vào kết quả số % người được phỏng vấn nhân với
		Hài lòng với sự phản hồi của bệnh viện đối với ý kiến góp ý của NB/NNNB	3			
D	<i>Kết quả hài lòng của người bệnh về tiếp nhận và phản hồi ý kiến góp ý của người bệnh, người nhà người bệnh</i>	Hài lòng về những biện pháp điều chỉnh của bệnh viện sau khi có ý kiến góp ý của người bệnh/người nhà người bệnh	4			với số điểm tối đa (hướng dẫn cách chấm điểm tại Mục V)
		Tổng điểm Mục D	10			
III	ĐIỂM CỘNG		5			
1	BV có kế hoạch tổ chức truyền thông về đổi mới phong cách, thái độ riêng	<i>Kế hoạch, phân công nhiệm vụ; đối tượng, nội dung truyền thông; có sự đánh giá kết quả (bằng chứng thể hiện)</i>	1			
2	BV thường xuyên tự kiểm tra	<i>Kế hoạch, phân công nhiệm vụ, lưu kết quả kiểm tra</i>	2			
3	Có nhiều biện pháp, sáng kiến hay, áp dụng hiệu quả; BV được nêu gương, khen thưởng	<i>Bằng chứng thể hiện (các biện pháp hay, phù hợp, bằng chứng về khen thưởng...)</i>	2			

IV		ĐIỂM TRỪ		-5			
1	Không làm báo cáo về QĐ 2151 theo quy định	Kiểm tra thực tế, tham khảo ý kiến cấp trên		-1			
2	Phát hiện tình trạng vòi vĩnh, những nhiễu CBYT	Tham khảo các kênh thông tin: Người bệnh, nhân dân, báo chí phản ánh (bằng chứng cụ thể)		-2			
3	Bệnh viện có đơn thư tố cáo của người bệnh, người dân	Kiểm tra thực tế, tham khảo ý kiến cấp trên (tất cả đơn, thư liên quan đến hoạt động khám, chữa bệnh của bệnh viện)		-2			
V		THÔNG NHẮT CÁCH CHO ĐIỂM					
<p>Phỏng vấn ngẫu nhiên người bệnh hoặc người nhà người bệnh am hiểu về trải nghiệm của người bệnh trong sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh tại bệnh viện và đã điều trị nội trú tối thiểu là 3 ngày. Số lượng người lựa chọn tham gia phỏng vấn như sau: Đối với BV hạng đặc biệt phỏng vấn 30-40 người; hạng I, hạng II: 20-30 người, hạng III trở xuống thì nên 10-20 (Trung tâm ít giường bệnh thì chỉ cần 10 người).</p>							
Cách cho điểm tính như sau:							
<p>Nếu 100% người bệnh trả lời ở mức hài lòng thì sẽ đạt điểm tối đa với từng tiêu chí. Nếu không đạt được với mức độ hài lòng 100%, số điểm của mỗi tiêu chí sẽ tương ứng với tỷ lệ hài lòng đạt được. VD: với tiêu chí có điểm tối đa là 5, tỷ lệ người bệnh hài lòng với tiêu chí này là 50% thì số điểm cho tiêu chí này là $5 \times 0,5 = 2,5$ điểm</p>							
TỔNG CỘNG				100			
Kết quả đánh giá, phân loại mức độ thực hiện đổi mới phong cách:							
	Mức 1 - Đạt điểm từ >90 - 100 điểm (Xuất sắc)						
	Mức 2 - Đạt điểm từ >80 - 90 điểm						
	Mức 3 - Đạt điểm từ > 70 - 80 điểm						
	Mức 4 - Đạt từ > 60 - 70 điểm						
	Mức 5 - Đạt từ 50 - 60 điểm						
	Không đạt: Đạt <50 điểm						

GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2019

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ

Handwritten signature

Phụ lục 2. TIÊU CHÍ CƠ SỞ Y TẾ “XANH-SẠCH-ĐẸP”
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-SYT ngày tháng năm 2019 của Sở Y tế)

Bệnh viện:

Địa chỉ:.....

1. KẾT CẤU BỘ TIÊU CHÍ

• Tổng số tiêu chí: **40 tiêu chí**, chia thành **6 phần chính**

- Phần I: Nội dung Xanh.
- Phần II: Nội dung Sạch.
- Phần III: Nội dung Quản lý chất thải.
- Phần IV: Nội dung Đẹp.
- Phần V: Nội dung về Tổ chức thực hiện.
- Phần VI: Nội dung Cộng điểm

2. NỘI DUNG TIÊU CHÍ (THANG ĐIỂM 100)

STT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm chấm	Đoàn chấm
I	Nội dung Xanh	15		
1	Các khoa, phòng có cây xanh (kể cả cây cảnh) và được sắp xếp phù hợp	5		
2	Cơ sở y tế có sơ đồ quy hoạch tổng thể và chi tiết việc trồng cây. Hàng năm có bổ sung cây xanh theo kế hoạch	2		
3	Cơ sở y tế có công viên/vườn hoa/bãi cỏ trong khuôn viên	4		
4	Bố trí chậu hoa, cây cảnh tại các khu vực tiếp đón, phòng chờ, hành lang.... Vườn hoa, cây cảnh được chăm sóc, cắt tỉa thường xuyên.	4		
II	Nội dung Sạch	35		
1	Có đầy đủ nước ăn uống, sinh hoạt hợp vệ sinh	2		
2	Mỗi khoa/phòng có khu vệ sinh riêng cho người bệnh, người nhà người bệnh và cán bộ y tế. Đối với trạm y tế phải có nhà tiêu hợp vệ sinh	4		
3	Khu vệ sinh có phòng riêng cho Nam, Nữ.	2		
4	Khu vệ sinh sạch sẽ, không có mùi hôi	3		
5	Sàn khu vệ sinh sạch, không đọng nước, không trơn trượt.	2		
6	Khu vệ sinh có sẵn giấy vệ sinh, thùng đựng rác	4		
7	Khu vệ sinh có bồn rửa tay và xà phòng hoặc dung dịch rửa tay, có gương	3		
8	Có biển chỉ dẫn đến nhà vệ sinh. Có bảng hướng dẫn rửa tay cho nhân viên y tế, người bệnh và người nhà người bệnh.	2		
9	Có nhân viên dọn nhà vệ sinh và nhân viên giám sát thường xuyên tối thiểu ngày 2 lần và khi cần	2		
10	Tại các khu vực, khoa phòng, buồng bệnh: trần nhà, tường nhà sạch, không mạng nhện, rêu mốc. Sàn nhà sạch sẽ, không trơn trượt, không đọng nước. Hành lang, cầu thang sạch, không có rác rơi vãi	2		
11	Khoa, phòng, buồng bệnh, nhà vệ sinh, hành lang đảm bảo thông khí và đủ ánh sáng	3		
12	Khu vực ngoại cảnh: sân vườn được vệ sinh, thu gom rác sạch,	2		

	không có nước đọng.			
13	Bố trí đủ thùng rác tại sân vườn, các khoa/phòng, khu vực hành lang	2		
14	Người bệnh, người nhà người bệnh phối hợp với cán bộ y tế tham gia thực hiện cơ sở y tế "Xanh-Sạch-Đẹp"	2		
III	Nội dung Quản lý chất thải	25		
1	Có đủ túi, thùng đựng chất thải y tế theo quy định	4		
2	Phân loại đúng các loại chất thải y tế	4		
3	Có khu lưu giữ các loại chất thải y tế và thực hiện lưu giữ đúng quy định	4		
4	Chất thải rắn y tế được thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định	4		
5	Quản lý chất thải tái chế đúng quy định	4		
6	Hệ thống thu gom nước thải của cơ sở y tế kín, không có mùi hôi thối. Nước thải được xử lý đạt quy chuẩn	5		
IV	Nội dung Đẹp	15		
1	Bố trí ghế ngồi, thuận tiện cho người bệnh và người nhà người bệnh. Phòng chờ có tranh ảnh, sách, báo, ấn phẩm truyền thông về chăm sóc, giữ gìn sức khỏe, vệ sinh môi trường	3		
2	Trần nhà, tường nhà, cửa, công, hành lang, cầu thang được định kỳ sơn hoặc quét vôi sạch đẹp.	2		
3	Sắp xếp, bố trí khu vực để xe cho cán bộ y tế, người bệnh và người nhà người bệnh thuận tiện	2		
4	Chăn, ga gối, quần áo người bệnh, giường tủ trong các khoa, phòng sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp.	3		
5	Cán bộ y tế, người bệnh và người nhà người bệnh được trang bị, sử dụng và bảo quản trang phục y tế theo đúng quy định.	3		
6	Có treo băng rôn khẩu hiệu thực hiện cơ sở y tế "Xanh, Sạch, Đẹp"	2		
V	Nội dung về Tổ chức triển khai	5		
1	Có Quyết định thành lập hoặc kiện toàn Ban chỉ đạo của đơn vị, có bổ sung nhiệm vụ, phân công và có kế hoạch thực hiện cơ sở y tế "Xanh-Sạch-Đẹp".	1		
2	Có tổ chức tập huấn cho toàn bộ cán bộ nhân viên triển khai Kế hoạch cơ sở y tế "Xanh-Sạch-Đẹp"	1		
3	Có triển khai các hoạt động truyền thông thực hiện cơ sở y tế "Xanh-Sạch-Đẹp"	1		
4	Có kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, khen thưởng việc thực hiện kế hoạch cơ sở y tế "Xanh-Sạch-Đẹp"	1		
5	Thực hiện quan trắc, giám sát môi trường theo quy định	1		
VI	Nội dung Cộng điểm			
1	Có sử dụng nguồn năng lượng tự nhiên	1		
2	Có tiết kiệm năng lượng	1		
3	Có giảm phát sinh chất thải	1		
4	Có nhà vệ sinh, đường đi dành cho người khuyết tật	1		
5	Thực hiện cơ sở y tế "Không khói thuốc lá"	1		
	Tổng	100		

GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm 2019

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ

Wah

Phụ lục 3: BẢNG KIỂM TRA PHÒNG XÉT NGHIỆM ĐẠT TIÊU CHUẨN ATSH CẤP I/II
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-SYT ngày tháng năm 2019 của Sở Y tế)

I. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ CÓ PHÒNG XÉT NGHIỆM

- 1.1. Tên cơ sở có phòng xét nghiệm:
- 1.2. Địa chỉ:
- 1.3. Tên phòng xét nghiệm (ghi rõ thuộc khoa nào, đặt tại khu vực (tầng, lầu) nào của cơ sở KCB):
.....
- 1.4. Cấp độ ATSH được kiểm tra:
 Cấp I
 Cấp II

II. NỘI DUNG

Nội dung đánh giá	Yêu cầu	CƠ SỞ PHÁP LÝ	ĐÁNH GIÁ		Thực trạng PXN
			Đạt	KĐ	
A. Cơ sở vật chất					
1. Quy định khu vực làm việc	a) Đạt diện tích yêu cầu theo quy định:	109/2016/NĐ-CP 155/2018/NĐ-CP			
	- Trường hợp thực hiện xét nghiệm vi sinh thì PXN phải có diện tích ít nhất là 20m ² ; riêng biệt với các PXN huyết học, hoá sinh, di truyền y học và các PXN khác và riêng biệt với các phòng xét nghiệm khác				
	- Trường hợp thực hiện một trong các xét nghiệm huyết học hoặc hoá sinh hoặc di truyền y học hoặc miễn dịch thì PXN có diện tích ít nhất là 10 m ²				
	- Trường hợp thực hiện 02 hoặc 03 trong các xét nghiệm huyết học, hoá sinh, di truyền y học, miễn dịch thì PXN có diện tích ít nhất là 15 m ²				

Handwritten signature

	<p>- Trường hợp thực hiện cả 04 xét nghiệm huyết học, hoá sinh, di truyền y học, miễn dịch thì PXN có diện tích ít nhất là 20 m²</p> <p>- Trường hợp thực hiện giải phẫu bệnh và tế bào học thì PXN phải có diện tích tối thiểu 20 m²; riêng biệt với các PXN huyết học, hoá sinh, di truyền y học và các PXN khác</p>			
	<p>b) Ánh sáng tại khu vực xét nghiệm theo quy định tại Thông tư số 22/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc</p> <p>c) Có nước sạch cung cấp cho khu vực xét nghiệm theo quy định tại Thông tư số 05/2009/TT-BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt;</p> <p>d) Bề mặt tường của PXN phải sử dụng vật liệu không thấm nước sát đến trần nhà</p> <p>e) Bề mặt sàn của PXN phải sử dụng vật liệu không thấm nước, bề mặt phẳng, không đọng nước</p> <p>f) Bàn xét nghiệm phải sử dụng vật liệu không thấm nước, chống ăn mòn, có hệ thống chậu rửa. Có vòi nước sạch lắp ngay tại bàn</p> <p>g) Có nơi chờ lấy bệnh phẩm, nơi nhận bệnh phẩm, nơi vệ sinh dụng cụ</p>	<p>37/2017/TT-BYT</p> <p>37/2017/TT-BYT</p> <p>50/2015/TT-BYT</p>		
<p>2. Có dụng cụ rửa mắt khẩn cấp, hộp sơ cứu</p>	<p>- Thiết bị rửa mắt khẩn cấp và hộp sơ cứu đặt tại vị trí thuận lợi cho việc sử dụng. (vận hành được và có kiểm tra định kỳ)</p>	<p>109/2016/NĐ-CP</p>		
<p>3. Có hệ thống thu gom, xử lý hoặc trang thiết bị xử lý nước thải.</p>	<p>- Kết quả phân tích các thông số nước thải y tế (gồm 15 thông số) sau xử lý (không quá 06 tháng) phải đạt QCVN 28:2010/BTNMT</p> <p><i>Lưu ý: đối với các cơ sở y tế không sử dụng nguồn phóng xạ thì chỉ cần phân tích 13 thông số (bỏ chỉ tiêu phóng xạ α và β)</i></p>	<p>155/2018/NĐ-CP</p> <p>39/2010/TT-BTNMT</p> <p>36/2015/TT-BTNMT</p> <p>58/2015/TTLT-BYT-BTNMT</p>		
<p>4. Có biên báo nguy hiểm sinh học trên cửa ra vào của khu vực xét nghiệm</p>	<p>- Biên báo đúng tiêu chuẩn và nhận biết được trong hệ thống văn bản quy định ra vào của PXN</p>	<p>103/2016/NĐ-CP</p>		

Handwritten signature

<p>Riêng đối với các bệnh viện có khoa Vi sinh hoặc bộ phận xét nghiệm Vi sinh, phải có các bộ phận chính sau:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận sản xuất, bảo quản môi trường, sinh phẩm và hóa chất phục vụ xét nghiệm - Bộ phận xử lý bệnh phẩm, bảo quản sinh phẩm, hóa chất và hấp rửa, khử khuẩn - Bộ phận xét nghiệm vi khuẩn (nhận bệnh phẩm, nhuộm soi, nuôi cấy, định danh, kháng sinh đồ, miễn dịch, sinh học phân tử, giữ chủng vi khuẩn hoặc bệnh phẩm) - Bộ phận xét nghiệm vi rút (nhận bệnh phẩm, miễn dịch, sinh học phân tử, giữ chủng hoặc bệnh phẩm) - Bộ phận xét nghiệm ký sinh trùng (nhận bệnh phẩm, nhuộm soi, miễn dịch, sinh học phân tử, giữ chủng hoặc bệnh phẩm) 	<p>33/2016/TT-BYT</p>
<p>B. Điều kiện về trang thiết bị</p>		
<p>5. Các thiết bị xét nghiệm phù hợp với kỹ thuật và mẫu bệnh phẩm hoặc vi sinh vật được xét nghiệm;</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị phải phù hợp với DMKT đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt - Có hướng dẫn sử dụng nhanh các thiết bị tại vị trí - Hồ sơ thiết bị bao gồm: lý lịch thiết bị, nhật ký vận hành, biên bản khử nhiễm, tình trạng kiểm tra, hiệu chuẩn; kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa (kiểm định, hiệu chuẩn) và thanh lý - Các thiết bị phải có nhãn đủ thông tin phù hợp như: tên, số seri, ngày đưa vào sử dụng, tình trạng kiểm tra, hiệu chuẩn; lý lịch thiết bị và hướng dẫn sử dụng; - Khi lắp đặt và vận hành, các thiết bị phải bảo đảm các yêu cầu và thông số kỹ thuật của nhà sản xuất; - Không sử dụng thiết bị phòng xét nghiệm vào mục đích khác 	<p>43/2013/TT-BYT</p> <p>36/2016/NĐ-CP 2429/QĐ-BYT</p>
<p>6. Các trang thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp với loại kỹ thuật xét nghiệm thực hiện tại cơ sở xét nghiệm an toàn sinh học tùy theo cấp độ ATSH phòng xét</p>	<p>a) Cấp I:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng quần, áo bảo hộ dài tay khi làm việc trong phòng xét nghiệm - Quần áo bảo hộ sử dụng trong phòng xét nghiệm phải được để riêng biệt - Không mặc quần áo bảo hộ sử dụng trong phòng xét nghiệm ra ngoài khu vực phòng xét nghiệm 	<p>103/2016/NĐ-CP 155/2018/NĐ-CP 37/2017/TT-BYT</p>

Ước

<p>nghiệm.</p>	<p>- Sử dụng găng tay phù hợp trong quá trình làm việc có khả năng tiếp xúc với vi sinh vật có nguy cơ gây bệnh truyền nhiễm cho người hoặc các mẫu bệnh phẩm có khả năng chứa vi sinh vật có nguy cơ gây bệnh truyền nhiễm cho người; găng tay phải được đeo trùm ra ngoài áo bảo hộ</p> <p>- Thay găng tay khi bị nhiễm bẩn, bị rách hoặc trong trường hợp cần thiết; tháo bỏ găng tay sau khi thực hiện xét nghiệm và trước khi rời khỏi phòng xét nghiệm; không dùng lại găng tay đã sử dụng; không sử dụng găng tay đang hoặc đã sử dụng trong phòng xét nghiệm khi đóng, mở cửa</p> <p>- Sử dụng giấy, dép kín mũi; không sử dụng giày gót nhọn trong phòng xét nghiệm</p>			
	<p>b) Cấp II: Các quy định của cấp I và các điều sau:</p> <p>- Sử dụng thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm và kiểm định định kỳ theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về ban hành 27 quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn đối với máy, thiết bị có yếu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động</p> <p>- Sử dụng thiết bị bảo vệ mắt và mặt (khẩu trang, kính, mặt nạ) khi thực hiện thao tác có nguy cơ tạo giọt bắn, khí dung trong khi thực hiện xét nghiệm mà không sử dụng tủ an toàn sinh học, các thao tác có nguy cơ văng bắn hóa chất hoặc có nguy cơ tiếp xúc với nguồn tia cực tím</p>	<p>103/2016/NĐ-CP 155/2018/NĐ-CP 37/2017/TT-BYT</p>		
<p>7. Có thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm hoặc thiết bị khử khuẩn</p>	<p>Hồ sơ giám sát và vận hành thiết bị hấp</p> <p>Hồ sơ kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định</p>	<p>103/2016/NĐ-CP 57/2013/TT-BTNMT 36/2016/NĐ-CP</p>		
<p>8. Có tủ an toàn sinh học</p>	<p>Hồ sơ kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định</p>	<p>103/2016/NĐ-CP 36/2016/NĐ-CP</p>		
<p>C. Điều kiện về nhân sự</p>				

Handwritten signature

<p>9. Số lượng nhân viên (Nhân viên phụ trách an toàn phải có văn bản phân công của đơn vị)</p>	<p>a) Cấp I: - Có ít nhất 02 nhân viên xét nghiệm. Nhân viên trực tiếp thực hiện xét nghiệm vi sinh vật phải có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với loại hình xét nghiệm mà cơ sở đó thực hiện - Có nhân viên phụ trách ATSH và phải được tập huấn về an toàn sinh học theo cấp độ b) Cấp II: Các quy định của cấp I và điều sau: - Nhân viên xét nghiệm, người chịu trách nhiệm về an toàn sinh học phải được tập huấn về an toàn sinh học từ cấp II trở lên</p>	<p>103/2016/ND-CP</p>	
<p>10. Quy định về nhân sự</p>	<p>- Nhân viên thực hiện xét nghiệm phải được tiêm chủng hoặc sử dụng thuốc phòng bệnh liên quan tác nhân gây bệnh được thực hiện tại phòng xét nghiệm, trừ trường hợp tác nhân đó chưa có vắc xin hoặc thuốc phòng bệnh - Nhân viên phòng xét nghiệm mang thai; mắc bệnh truyền nhiễm hoặc bị suy giảm miễn dịch; tai nạn ảnh hưởng đến khả năng vận động tay, chân, có vết thương hở phải thông báo cho người phụ trách phòng xét nghiệm để được phân công công việc thích hợp. - Phòng xét nghiệm phải thực hiện giám sát về y tế đối với nhân viên phòng xét nghiệm theo quy định của Luật lao động số 10/2012/QH13 và Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động.</p>	<p>37/2017/TT-BYT</p>	
<p>D. Điều kiện về quy định thực hành</p>			
<p>11. Có quy định ra vào khu vực xét nghiệm</p>	<p>a) Cấp I: Người có trách nhiệm được phép vào, ra phòng xét nghiệm, những người khác khi ra, vào phòng xét nghiệm phải được sự đồng ý của người có thẩm quyền và được hướng dẫn, giám sát. a) Cấp II: quy định của cấp I và thêm các biện pháp bảo đảm an ninh</p>	<p>37/2017/TT-BYT</p>	
<p>12. Có quy trình xét nghiệm phù hợp với kỹ thuật và mẫu bệnh phẩm hoặc vi sinh vật được xét nghiệm</p>	<p>- Có đầy đủ quy trình, hướng dẫn thực hiện xét nghiệm; quy định về quản lý và sử dụng hoá chất, các chủng vi sinh, trang thiết bị điện và các bình khí nén tại cơ sở. - Quy trình chuyên môn được lãnh đạo đơn vị phê duyệt và theo mẫu quy định, có sẵn ở nơi làm việc</p>	<p>5530/QĐ-BYT 49/2018/TT-BYT</p>	

Handwritten signature

<p>13. Quy định về thực hiện các thao tác trong phòng xét nghiệm</p>	<p>a) Cấp I</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rửa tay theo quy trình thường quy hoặc sát khuẩn nhanh trước và sau khi thực hiện xét nghiệm, sau khi tháo bỏ găng tay, trước khi rời khỏi phòng xét nghiệm; - Có và tuân thủ các quy trình xét nghiệm bảo đảm các thao tác được thực hiện theo cách làm giảm tối đa việc tạo các giọt bắn hoặc khí dung; - Đóng gói mẫu bệnh phẩm để vận chuyển ra khỏi cơ sở xét nghiệm theo quy định - Không dùng bơm, kim tiêm để thay thế pipet hoặc vào bất kỳ mục đích khác ngoài mục đích tiêm, truyền hay hút dịch từ động vật thí nghiệm - Không ăn uống, hút thuốc, cạo râu, trang điểm trong phòng xét nghiệm; không mang đồ dùng cá nhân, thực phẩm vào phòng xét nghiệm; không đeo hay tháo kính áp tròng, sử dụng điện thoại khi đang thực hiện xét nghiệm. <p>b) Cấp II: các quy định của cấp I và điều sau</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thao tác kỹ thuật xét nghiệm có nguy cơ tạo giọt bắn và khí dung phải được thực hiện trong tủ an toàn sinh học trừ trường hợp thực hiện xét nghiệm bằng các thiết bị xét nghiệm chuyên dụng hoặc sử dụng thêm các biện pháp bảo vệ khác theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-BYT ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Y tế ban hành danh mục vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm theo nhóm nguy cơ và cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm 	<p>37/2017/TT-BYT 40/2018/TT-BYT</p>	
<p>14. Quy định về khử nhiễm, xử lý chất thải, phòng ngừa, xử lý và khác phục sự cố an toàn sinh học</p>	<p>a) Cấp I</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có và tuân thủ quy trình về khử nhiễm và xử lý chất thải y tế; - Phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế trước khi đưa chất thải ra khỏi khu vực xét nghiệm - Khử trùng bề mặt khu vực làm việc sau khi kết thúc thực hiện xét nghiệm hoặc khi tràn đổ mẫu bệnh phẩm chứa tác nhân gây bệnh; - Tất cả thiết bị, dụng cụ phải được vệ sinh sạch sẽ, khử trùng trước khi bảo dưỡng, sửa chữa hoặc vận chuyển ra khỏi phòng xét nghiệm; 	<p>37/2017/TT-BYT 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT 49/2018/TT-BYT</p>	

Handwritten signature

	<ul style="list-style-type: none"> - Có và tuân thủ quy trình đánh giá nguy cơ sinh học, xử lý sự cố trong đó quy định việc thực hiện báo cáo tất cả các sự cố xảy ra trong phòng xét nghiệm; - Lưu hồ sơ sự cố và biện pháp xử lý sự cố ít nhất 3 năm <p>b) Cấp II: các quy định của cấp I và điều sau</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phải khử trùng hoặc tiệt trùng chất thải sử dụng trong quá trình xét nghiệm trước khi đưa vào hệ thống thu gom chất thải hoặc nơi lưu giữ tạm thời. 	
<p>15. Có quy định lưu giữ, bảo quản mẫu bệnh phẩm, tác nhân gây bệnh truyền nhiễm tại cơ sở xét nghiệm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có quy định và thực hiện lưu trữ, hủy bệnh phẩm, hóa chất, thuốc thử còn lại sau xét nghiệm, xác súc vật thí nghiệm 	<p>103/2016/ND-CP 49/2018/TT-BYT 40/2018/TT-BYT</p>
<p>16. Có kế hoạch đánh giá nguy cơ xảy ra sự cố an toàn sinh học tại cơ sở xét nghiệm và xây dựng kế hoạch phòng ngừa, xử lý sự cố an toàn sinh học. (cấp II)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tất cả thiết bị, dụng cụ phải được vệ sinh sạch sẽ, khử trùng trước khi bảo dưỡng, sửa chữa hoặc vận chuyển ra khỏi phòng xét nghiệm; - Có và tuân thủ quy trình đánh giá nguy cơ sinh học, xử lý sự cố trong đó quy định việc thực hiện báo cáo tất cả các sự cố xảy ra trong phòng xét nghiệm; 	<p>103/2016/ND-CP</p>
<p>Lưu ý: Nếu cơ sở không đạt bất kỳ điểm nào trong tiêu mục đó thì xem như tiêu mục đó không đạt.</p>		

Handwritten signature